

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN C**  
**TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2022

V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cái Thị Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Trần Phúc

2. Ông Nguyễn Văn Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh:** Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1979; trú tại: Tổ 8, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Hải P, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Hiện tạm trú: Tổ 8, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị T vắng mặt có đơn xin vắng mặt, Anh P vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Đặng Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và Anh Huỳnh Hải P chung sống với nhau từ năm 2015, được cha mẹ hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Kết hôn xong, cuộc sống vợ chồng thường bất hòa, không đồng chung quan điểm, không có tiếng nói chung. Việc giáo dục con cái trong gia đình, tài chính cũng không thống nhất thường xảy ra mâu

thuần cãi vả, xung đột và bạo lực gia đình làm tổn hại đến tinh thần, sức khỏe của bản thân và các con. Chúng tôi sống chung với ba mẹ nhưng bạo lực gia đình thường xuyên xảy ra, cuộc sống luôn mệt mỏi, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng mất dần không còn, không hàn gắn được. Nay Chị T xin ly hôn vì tình cảm không còn với Anh P, không thể chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Tấn Ph, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án Anh Huỳnh Hải P không có lời trình bày, không đến Tòa án, vắng mặt không lý do.*

Tại phiên tòa:

Tại tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Đặng Thị T đối với Anh Huỳnh Hải P.

Về quan hệ con chung: Anh, chị chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Tấn Ph, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015. Hiện con chung đang sống với mẹ, Chị T xin nuôi con chung, không yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận

Về tài sản chung, nợ chung, Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

### ***NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:***

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Hải P là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 27 tháng 12 năm 2021 thì hiện tại Anh P có sống tại tổ 8, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự mời Anh P lên Tòa làm việc, Anh P có nhận các văn bản tố tụng của Tòa nhưng anh không đến Tòa làm việc cũng như không có lời khai về vụ án, Anh P đi về bất thường, thường xuyên vắng mặt tại địa phương vào giờ hành chính, Tòa án có tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Anh P là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Anh P kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Chị T vẫn giữ nguyên lời trình bày: Sau khi kết hôn xong về chung sống thì vợ chồng luôn bất hòa không đồng chung quan điểm, bạo lực gia đình thường xảy ra, không còn chung tiếng nói, thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm không còn, không ai quan tâm đến ai, Chị T xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chung sống với nhau cần có sự chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của Chị T, Anh P không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không còn tình cảm, không hạnh phúc. Anh P thường hay xúc phạm cha, mẹ của Chị T, cuộc sống vợ chồng thường cãi vã nhau. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 27 tháng 12 năm 2021 được cung cấp, vợ chồng Chị T, Anh P thường xuyên mâu thuẫn cãi vã và đánh nhau. Chị T không còn tình cảm với Anh P, không thương yêu quan tâm nhau, ai cũng có cuộc sống riêng nên yêu cầu xin ly hôn của Chị T là có căn cứ chấp nhận.

Anh P không đến Tòa, không có lời trình bày, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản và anh cũng đã ký nhận các văn bản của Tòa nhưng không có ý kiến là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với Chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Tấn Ph, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015. Hiện con chung đang sống với mẹ, Chị T xin nuôi con chung, không yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Đặng Thị T đối với Anh Huỳnh Hải P. Chị Đặng Thị T được ly hôn với Anh Huỳnh Hải P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Tấn Ph, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2015 cho Chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận Chị T không yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Hải P được quyền, nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung. Chị Trang cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016828 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cái Thị Minh Tâm**